Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Ngữ pháp HW: ……

Đọc HW: ……

StarLink

GE2 - Unit 8: Home, sweet home - Grammar 1 & Unit 7 Grammar 2 Revision

A. THEORY

I. GRAMMAR

❖ **Possessive 's** *(Sở hữu cách)*

- Cách sử dụng 1: A**'s** B = B **của** A (Khi **A** là **số ít**)

Ann**'s** camera	my brother**'s** car	the manager**'s** office
*(camera **của** Ann)*	*(xe **của** anh tôi)*	*(văn phòng **của** quản lý)*

- Cách sử dụng 2: As' B = B **của** A (Khi **A** là **số nhiều** và **có đuôi s/es**)

my friends**'** house (*nhà **của** các bạn của tôi)*

❖ **Possessive pronouns – mine / yours** *(Đại từ sở hữu – mine / yours)*

- Cách dùng: để nói **"cái này là của ai"**.

- **Ví dụ:** "This book is **my book.**" → "This book is **mine**." *(Cuốn sách này là **của tôi.**)*

"This pen is **your pen.**" → "This pen is **yours**." *(Cây bút này là **của bạn.**)*

II. GRAMMAR REVISION: this/ that/ these/ those

	near →	far →
one thing	**this**	**that**
two or more things	**these**	**those**

LIVEWORKSHEETS

III. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**classroom** (n)	lớp học	3	**wall** (n)	bức tường
2	**lesson** (n)	bài học			

Note: *n = noun: danh từ.*

B. HOMEWORK

GRAMMAR (22 questions)

Exercise 1. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) 1 dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Look at the picture. Write Ben's or Anna's to complete the sentences.
*(Nhìn vào tranh. Viết **Ben's** hoặc **Anna's** để hoàn thành câu.)*

0. Ben's guitar
1. ..... watch
2. ..... computer
3. ..... dog
4. ..... phone
5. ..... shoes
6. ..... ball
7. ..... bike

Exercise 3. Look and write phrases using possessive cases.
(Nhìn vào tranh và viết cụm từ sử dụng sở hữu cách.)

~~umbrella~~	balloons	house	basket	backpack	flowers

0 Suzy's umbrella	1	2 .....
3 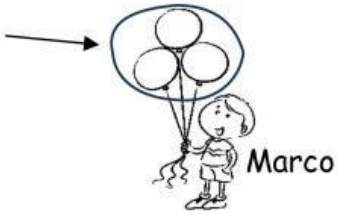	4	5 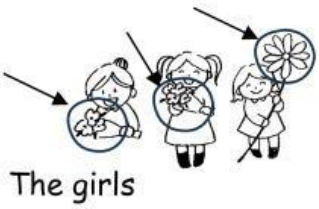 .....

LIVEWORKSHEETS

Exercise 4. Look at the pictures. Complete the following answers.
(Nhìn vào các hình ảnh. Hoàn thành các câu trả lời sau đây.)

0. 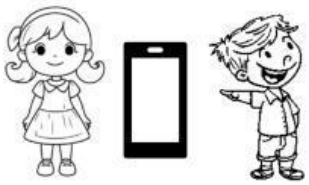 *Whose phone is it?* → *It's yours.*	1. 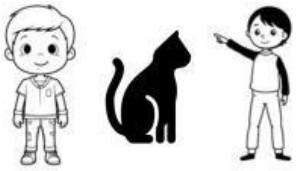 Whose cat is it? → It's	2. Whose dog is it? → It's .....
3. Whose car is it? → It's	4. 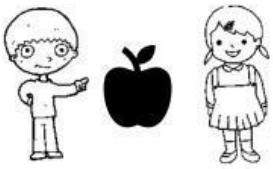 Whose apple is it? →	5. Whose money is it? → .....

Exercise 5. Complete the sentences using "THIS / THAT / THESE / THOSE".
(Hoàn thành câu sử dụng "THIS / THAT / THESE / THOSE".)

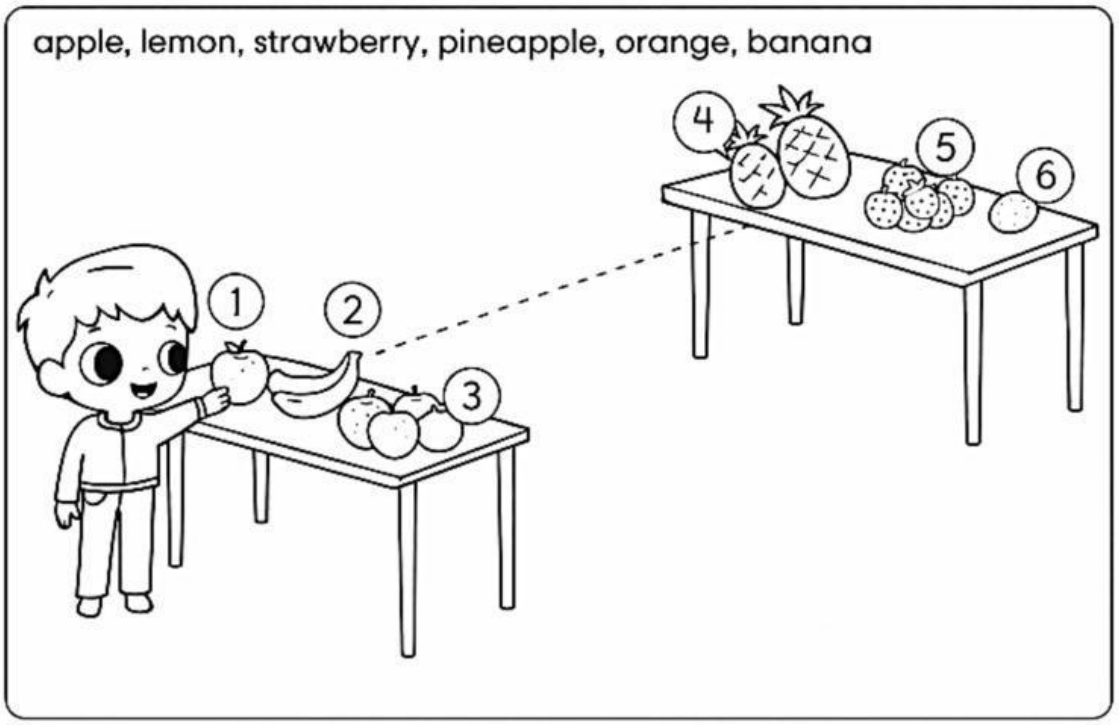

1. *This is an apple.*

2. ..... are bananas.

3. ..... are oranges.

4. ..... are pineapples.

5. ..... are strawberries.

6. ..... is a lemon.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE READING PRACTICE (5 questions)

STARTERS PART 4

Read this. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-5.

A school

Boys and *(0)* *girls* come and learn in me. There are lots of classrooms in me and some children have **(1)** ..... in English here. In one classroom, Lucy sits on her **(2)** ....., opens her **(3)** ..... and writes in it with her pen. There are lots of **(4)** ..... on the wall. Lucy and her friends draw them with their **(5)** ..... . The children are happy here.

What am I? I am a school.

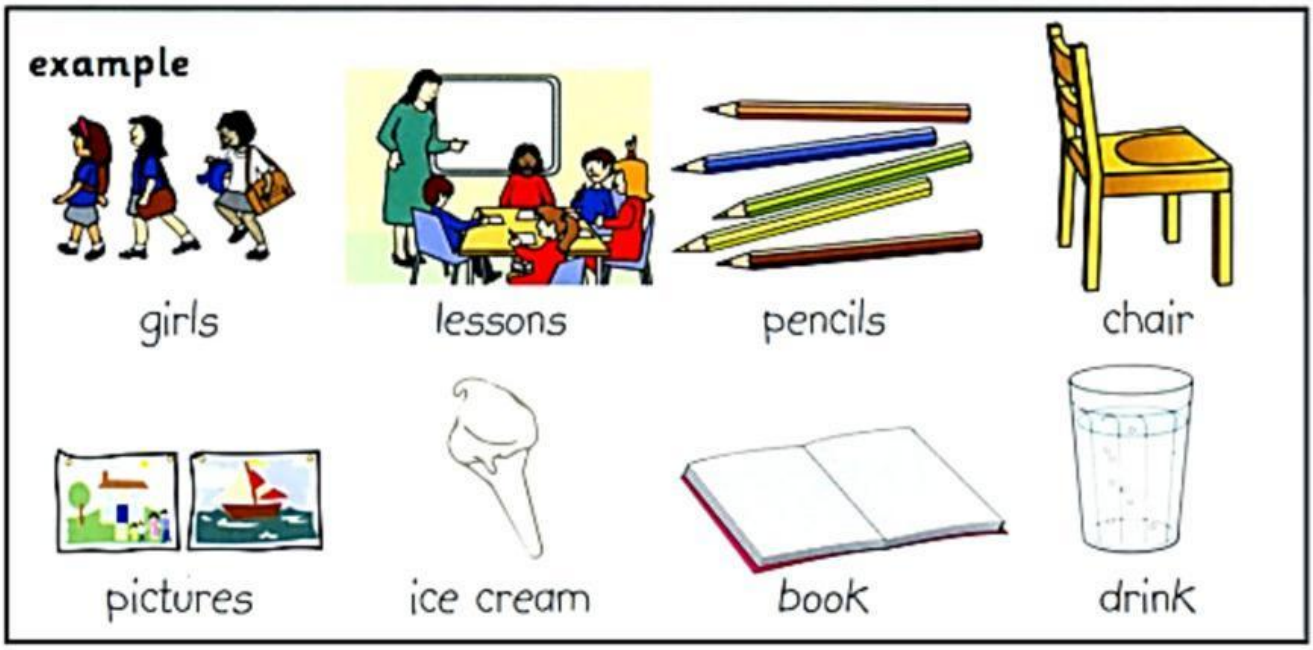

LIVEWORKSHEETS